

Chùa An Lạc

1647 East San Fernando Street

San Jose, CA 95116

(408) 254 – 1710

[Email: anlactu1647@gmail.com](mailto:anlactu1647@gmail.com)

Bảng Sao Hạng Bính Ngọ 2026

Mệnh Thủy/ Cung Nam: Khâm-Nữ: Cấn/ Tam Tai: Tý

TUỔI	NĂM	SAO	HẠNG	TUỔI	NĂM	SAO	HẠNG	TUỔI	NĂM	SAO	HẠNG
11	Bính Thân 2016	Nam: Thổ Tú Nữ: Văn hớn	Tam Kheo Thiên Tinh	27	Canh Thìn 2000	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	43	Giáp Tý 1984	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng
12	Ất Mùi 2015	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	28	Kỷ Mão 1999	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	44	Quý Hợi 1983	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La
13	Ất Mùi 2014	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Thiên Tinh Tam Kheo	29	Mậu Dần 1998	Nam: Thổ Tú Nữ: Văn hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	45	Nhâm Tuất 1982	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	HuỳnhTuyền Toán Tận
14	Quý Tỵ. 2013	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Toán Tận Huỳnh Tuyền	30	Đinh Sửu 1997	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	46	Tân Dậu 1981	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh
15	Nhâm Thìn 2012	Nam Văn Hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương	31	Bính Tý 1996	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Thiên Tinh Tam Kheo	47	Canh Thân 1980	Nam: Thổ Tú Nữ: Văn Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ
16	Tân Mão 2011	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng	32	Ất Hợi 1995	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	ToánTận Huỳnh Tuyền	48	Kỷ Mùi 1979	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo
17	Canh Dần 2010	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	33	Giáp Tuất 1994	Nam: Văn hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương	49	Mậu Ngọ 1978	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền
18	Kỷ Sửu 2009	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	HuỳnhTuyền Toán Tận	34	Quý Dậu 1993	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng	50	Đinh Tỵ 1977	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Toán Tận Huỳnh Tuyền
19	Mậu Tý 2008	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	35	Nhâm Thân 1992	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	51	Bính Thìn 1976	Nam: Văn Hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương
20	Đinh Hợi 2007	Nam: Thổ Tú Nữ: Văn hớn	Tam Kheo Thiên Tinh	36	Tân Mùi 1991	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	52	Ất Mão 1975	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng
21	Bính Tuất 2006	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	37	Canh Ngọ 1990	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	53	Giáp Dần 1974	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La
22	Ất Dậu 2005	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Thiên Tinh Tam Kheo	38	Kỷ Tỵ 1989	Nam: Thổ Tú Nữ: Văn hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	54	Quý Sửu 1973	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận
23	Giáp Thân 2004	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Toán Tận Huỳnh Tuyền	39	Mậu Thìn 1988	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo	55	Nhâm Tý 1972	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh
24	Quý Mùi 2003	Nam: Văn hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương	40	Đinh Mão 1987	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Thiên Tinh Tam Kheo	56	Tân Hợi 1971	Nam: Thổ Tú Nữ: Văn Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ
25	Nhâm Ngọ 2002	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng	41	Bính Dần 1986	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Toán Tận Huỳnh Tuyền	57	Canh Tuất 1970	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo
26	Tân Tỵ 2001	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	42	Ất Sửu 1985	Nam: Văn hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương	58	Kỷ Dậu 1969	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền

Chùa An Lạc

1647 East San Fernando Street

San Jose, CA 95116

(408) 254 – 1710

[Email: anlactu1647@gmail.com](mailto:anlactu1647@gmail.com)

Bảng Sao Hạng Bính Ngọ 2026

Mệnh Thủy/ Cung Nam: Khâm-Nữ: Cấn/ Tam Tai: Tý, Sửu, Dần

TUỔI	NĂM	SAO	HẠNG	TUỔI	NĂM	SAO	HẠNG	TUỔI	NĂM	SAO	HẠNG
59	Mậu Thân 1968	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Thiên La Diêm Vương	73	Giáp Ngọ 1954	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	87	Canh Thìn 1940	Nam: Văn Hớn Nữ: La Hầu	Địa Võng Địa Võng
60	Đinh Mùi 1967	Nam: Văn Hớn Nữ: La Hầu	Huỳnh Tuyền Diêm Vương	74	Quý Tỵ 1953	Nam: Thổ Tú Nữ: Văn Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	88	Kỷ Mão 1939	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Diêm Vương Thiên La
61	Bính Ngọ 1966	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng	75	Nhâm Thìn 1952	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo	89	Mậu Dần 1938	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Huỳnh Tuyền Toán Tận
62	Ất Tỵ 1965	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	76	Tân Mão 1951	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền	90	Đinh Sửu 1937	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận
63	Giáp Thìn 1964	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	77	Canh Dần 1950	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Thiên La Diêm Vương	91	Bính Tý 1936	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh
64	Quý Mão 1963	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	78	Kỷ Sửu 1949	Nam: Văn Hớn Nữ: La Hầu	Địa Võng Địa Võng	92	Ất Hợi 1935	Nam: Thổ Tú Nữ: Văn Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ
65	Nhâm Dần 1962	Nam: Thổ Tú Nữ: Văn Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	79	Mậu Tý 1948	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Diêm Vương Thiên La	93	Giáp Tuất 1934	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo
66	Tân Sửu 1961	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo	80	Đinh Hợi 1947	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	94	Quý Dậu 1933	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền
67	Canh Tý 1960	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền	81	Bính Tuất 1946	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	95	Nhâm Thân 1932	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Thiên La Diêm Vương
68	Kỷ Hợi 1959	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Thiên La Diêm Vương	82	Ất Dậu 1945	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	96	Tân Mùi 1931	Nam: Văn Hớn Nữ: La Hầu	Địa Võng Địa Võng
69	Mậu Tuất 1958	Nam: Văn Hớn Nữ: La Hầu	Địa Võng Địa Võng	83	Giáp Thân 1944	Nam: Thổ Tú Nữ: Văn Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	97	Canh Ngọ 1930	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Diêm Vương Thiên La
70	Đinh Dậu 1957	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng	84	Quý Mùi 1943	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo	98	Kỷ Tỵ 1929	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Huỳnh Tuyền Toán Tận
71	Bính Thân 1956	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	85	Nhâm Ngọ 1942	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền	99	Mậu Thìn 1928	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Tam Kheo Thiên Tinh
72	Ất Mùi 1955	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	86	Tân Tỵ 1941	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Thiên La Diêm Vương	100	Đinh Mão 1927	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Ngũ Mộ Ngũ Mộ